

LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin pháp luật tháng 10/2022 gồm 3 phần chính:

- **Phần 1:** Các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn:

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý.

b. Trách nhiệm các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật.

- **Phần 2:** Các dự thảo văn bản pháp luật của các Bộ ngành đang lấy ý kiến góp ý; Trách nhiệm đơn vị nghiên cứu, xem xét có ý kiến.

- **Phần 3:** Các quy định của Tập đoàn ban hành trong tháng 9/2022.

Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra trân trọng giới thiệu tới các đơn vị, cá nhân của Tập đoàn.

(Mọi ý kiến, thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra Tập đoàn, Bùi Quỳnh Hoa, Tel: 0945.123.690, Email:hoabq@vnpt.vn)

Phần 1: Các VBQPPL liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn:

1. Nghị định số 59/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/10/2022.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về danh tính điện tử, định danh điện tử, xác thực điện tử; dịch vụ xác thực điện tử; quyền, nghĩa vụ của bên sử dụng dịch vụ xác thực điện tử; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam liên quan đến định danh và xác thực điện tử.

Danh tính điện tử công dân Việt Nam

Danh tính điện tử công dân Việt Nam gồm:

1. Thông tin cá nhân:

- a) Số định danh cá nhân;
- b) Họ, chữ đệm và tên;
- c) Ngày, tháng, năm sinh;
- d) Giới tính.

2. Thông tin sinh trắc học:

- a) Ảnh chân dung;
- b) Vân tay.

Danh tính điện tử tổ chức

Danh tính điện tử tổ chức gồm:

- 1. Mã định danh điện tử của tổ chức.
- 2. Tên tổ chức gồm tên tiếng Việt, tên viết tắt (nếu có) và tên tiếng nước ngoài (nếu có).

3. Ngày, tháng, năm thành lập.

4. Địa chỉ trụ sở chính.

5. Số định danh cá nhân hoặc số định danh của người nước ngoài; họ, chữ đệm và tên người đại diện theo pháp luật hoặc người đứng đầu của tổ chức.

Sử dụng tài khoản định danh điện tử

1. Chủ thể danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử để đăng nhập và sử dụng các tính năng, tiện ích trên ứng dụng VNelD, trang thông tin định danh điện tử.

2. Tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và các hoạt động khác theo nhu cầu của chủ thể danh tính điện tử.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được tạo lập tài khoản để phục vụ cho hoạt động của mình và chịu trách nhiệm xác thực, bảo đảm tính chính xác của tài khoản do mình tạo lập, quyết định mức độ và giá trị sử dụng của từng mức độ tài khoản. Thông tin để tạo lập tài khoản do chủ thể của tài khoản cung cấp hoặc đồng ý cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để tạo lập tài khoản.

4. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 1 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có giá trị chứng minh các thông tin của người đó quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này, đối với chủ thể là người nước ngoài có giá trị chứng minh các thông tin của người đó quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này trong các hoạt động, giao dịch có yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân của chủ thể danh tính điện tử.

5. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là công dân Việt Nam có giá trị tương đương như việc sử dụng thẻ Căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ Căn cước công dân; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của công dân đã được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

6. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử được tạo lập bởi hệ thống định danh và xác thực điện tử đối với chủ thể danh tính điện tử là tổ chức do người đại diện theo pháp luật thực hiện hoặc giao cho người được ủy quyền sử dụng. Việc sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức có giá trị chứng minh danh tính điện tử của tổ chức khi thực hiện giao dịch có yêu cầu chứng minh thông tin về tổ chức đó; có giá trị cung cấp thông tin trong các loại giấy tờ của tổ chức được đồng bộ vào tài khoản

định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

7. Khi chủ thẻ danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2 trong các hoạt động, giao dịch điện tử thì có giá trị tương đương với việc xuất trình giấy tờ, tài liệu để chứng minh thông tin đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với công dân Việt Nam

1. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 1 qua ứng dụng VNeID đối với công dân đã có thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử

a) Công dân sử dụng thiết bị di động tải và cài đặt ứng dụng VNeID.

b) Công dân sử dụng ứng dụng VNeID để nhập thông tin về số định danh cá nhân và số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử; cung cấp các thông tin theo hướng dẫn trên ứng dụng VNeID; thu nhận ảnh chân dung bằng thiết bị di động và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VNeID.

c) Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNeID hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

2. Đăng ký tài khoản định danh điện tử mức độ 2

a) Đối với công dân đã được cấp thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử: Công dân đến Công an xã, phường, thị trấn hoặc nơi làm thủ tục cấp thẻ Căn cước công dân để làm thủ tục cấp tài khoản định danh điện tử. Công dân xuất trình thẻ Căn cước công dân gắn chip điện tử, cung cấp thông tin về số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử và đề nghị bổ sung thông tin được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử. Cán bộ tiếp nhận nhập thông tin công dân cung cấp vào hệ thống định danh và xác thực điện tử; chụp ảnh chân dung, thu nhận vân tay của công dân để làm thủ tục để xác thực với Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và khẳng định sự đồng ý đăng ký tạo lập tài khoản định danh điện tử.

Cơ quan quản lý định danh điện tử thông báo kết quả đăng ký tài khoản qua ứng dụng VNeID hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

b) Cơ quan Công an tiến hành cấp tài khoản định danh điện tử mức độ 2 cùng với cấp thẻ Căn cước công dân với trường hợp công dân chưa được cấp Căn cước công dân gắn chip điện tử.

Trình tự, thủ tục đăng ký tài khoản định danh điện tử đối với tổ chức

1. Người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu của tổ chức (đã có tài khoản định danh điện tử mức độ 2) đăng nhập ứng dụng VNeID để đăng ký tài khoản định danh điện tử cho tổ chức; cung cấp các thông tin theo hướng dẫn trên ứng dụng VNeID và gửi yêu cầu đề nghị cấp tài khoản định danh điện tử tới cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử qua ứng dụng VNeID.

2. Cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử tiến hành xác thực thông tin về tổ chức trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác. Trường hợp thông tin về tổ chức chưa có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác thì thực hiện xác minh thông tin tổ chức và thông báo kết quả đăng ký tài khoản định danh điện tử cho người đến làm thủ tục của tổ chức qua ứng dụng VNeID hoặc tin nhắn SMS hoặc địa chỉ thư điện tử.

Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử và cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập tài khoản

1. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ xác thực điện tử

- a) Cung cấp dịch vụ xác thực điện tử cho tổ chức, cá nhân trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng cung cấp dịch vụ;
- b) Bảo đảm kênh tiếp nhận thông tin và việc sử dụng dịch vụ là liên tục 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần;
- c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, giao dịch điện tử, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong lĩnh vực xác thực điện tử;
- d) Tuân thủ phương án, quy trình hoạt động cung cấp dịch vụ xác thực điện tử đã được Bộ Công an thẩm định;
- đ) Gửi báo cáo định kỳ 06 tháng, 01 năm về hoạt động xác thực điện tử cho cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử hoặc khi cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử có yêu cầu.

2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân tự tạo lập tài khoản phục vụ hoạt động của mình:

- a) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài khoản do mình tạo lập;
- b) Bảo vệ dữ liệu cá nhân do mình thu thập, quản lý theo quy định của pháp luật;

- c) Bảo đảm được sự đồng ý của chủ thể dữ liệu trong mọi hoạt động liên quan đến việc quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu;
- d) Xóa dữ liệu đã thu thập, quản lý trong trường hợp có yêu cầu của chủ thể dữ liệu, trừ trường hợp luật có quy định khác;
- đ) Gửi báo cáo về hoạt động định danh cho cơ quan quản lý định danh và xác thực điện tử khi có yêu cầu.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật

Văn phòng Tập đoàn, Ban Tổ chức – Nhân lực (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media nghiên cứu triển khai thực hiện.

2. Nghị định 53/2022/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2022

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết điểm a, b, c, d, đ, g, i, k, l khoản 1 Điều 5, khoản 4 Điều 10, khoản 5 Điều 12, khoản 1 Điều 23, khoản 7 Điều 24, khoản 2, 4 Điều 26, khoản 5 Điều 36 Luật An ninh mạng, gồm các nội dung sau:

1. Các biện pháp bảo vệ an ninh mạng: thẩm định an ninh mạng; đánh giá điều kiện an ninh mạng; kiểm tra an ninh mạng; giám sát an ninh mạng; ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng; sử dụng mật mã để bảo vệ thông tin mạng; yêu cầu xóa bỏ thông tin trái pháp luật hoặc thông tin sai sự thật trên không gian mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; thu thập dữ liệu điện tử liên quan đến hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên không gian mạng; đình chỉ, tạm đình chỉ hoặc yêu cầu ngừng hoạt động của hệ thống thông tin, thu hồi tên miền.
2. Căn cứ, trình tự, thủ tục xác lập và công tác phối hợp giữa các bộ, ngành chức năng có liên quan trong thẩm định, đánh giá, kiểm tra, giám sát, ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

3. Điều kiện an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.
4. Nội dung triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị ở trung ương và địa phương.
5. Trình tự, thủ tục kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân không thuộc Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia theo các trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 24.
6. Việc lưu trữ dữ liệu và đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam đối với các doanh nghiệp được quy định tại khoản 3 Điều 26.
7. Việc phân công, phối hợp thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh mạng, phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng trong trường hợp nội dung quản lý nhà nước liên quan đến phạm vi quản lý của nhiều bộ, ngành.

Căn cứ xác lập hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

Hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia là hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm:

1. Hệ thống thông tin quan trọng quốc gia theo quy định của Luật An toàn thông tin mạng.
2. Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.
3. Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành, điều khiển hoạt động của công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia theo quy định của pháp luật.
4. Hệ thống thông tin thuộc các lĩnh vực được quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật An ninh mạng khi bị sự cố, xâm nhập, chiếm quyền điều khiển, làm sai lệch, gián đoạn, ngưng trệ, tê liệt, tấn công hoặc phá hoại sẽ gây ra một trong các hậu quả sau đây:
 - a) Trực tiếp tác động đến độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, sự tồn tại của chế độ và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - b) Gây hậu quả nghiêm trọng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại làm suy yếu khả năng phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc;
 - c) Gây hậu quả nghiêm trọng đến nền kinh tế quốc dân;

- d) Gây thảm họa đối với đời sống con người, môi trường sinh thái;
- đ) Gây hậu quả nghiêm trọng đến hoạt động của công trình xây dựng cấp đặc biệt theo phân cấp của pháp luật về xây dựng;
- e) Gây hậu quả nghiêm trọng đến hoạt động hoạch định chủ trương, chính sách thuộc phạm vi bí mật nhà nước;
- g) Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của các cơ quan Đảng, Nhà nước ở trung ương.

Lập hồ sơ đề nghị đưa hệ thống thông tin vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia

1. Chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm rà soát, đối chiếu với quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này, lập hồ sơ đề nghị đưa hệ thống thông tin thuộc thẩm quyền quản lý của mình vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

2. Đối với hệ thống thông tin thuộc Danh mục hệ thống thông tin quan trọng quốc gia:

a) Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm gửi Bộ Công an hồ sơ hệ thống thông tin quan trọng quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để xác lập Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

b) Trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, chủ quản hệ thống thông tin quan trọng quốc gia không phải lập hồ sơ đề nghị đưa hệ thống vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia;

c) Bộ Công an có trách nhiệm đưa những hệ thống thông tin quan trọng quốc gia vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia theo trình tự, thủ tục quy định; thông báo cho chủ quản các hệ thống thông tin này về việc hệ thống thông tin được đưa vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia và thực hiện các trách nhiệm tương ứng.

3. Trường hợp hệ thống thông tin trong quá trình thẩm định về cấp độ an toàn thông tin mà xét thấy có đủ căn cứ để đưa vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Bộ Công an để thẩm định hồ sơ đề nghị đưa hệ thống thông tin vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

4. Lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao rà soát các hệ thống thông tin có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 3 Nghị định này và yêu cầu chủ quản hệ thống thông tin lập hồ sơ đề nghị đưa hệ thống thông tin thuộc

thẩm quyền quản lý của mình vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia.

5. Hồ sơ đề nghị đưa hệ thống thông tin vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia:

a) Văn bản đề nghị đưa hệ thống thông tin vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia (Mẫu số 01 Phụ lục);

b) Văn bản cung cấp danh mục toàn bộ hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức (Mẫu số 02 Phụ lục);

c) Tài liệu chứng minh kèm theo, gồm: Tài liệu mô tả, thuyết minh tổng quan về hệ thống thông tin; tài liệu thiết kế thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tài liệu có giá trị tương đương; tài liệu chứng minh sự phù hợp với căn cứ đề xuất đưa hệ thống thông tin vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; tài liệu thuyết minh phương án bảo vệ hệ thống thông tin (phương án bảo đảm an toàn hạ tầng mạng; an toàn máy chủ; an toàn ứng dụng; an toàn cơ sở dữ liệu; chính sách quản lý; tổ chức, nhân sự; quản lý thiết kế, xây dựng; quản lý vận hành; kiểm tra, đánh giá và quản lý rủi ro).

6. Hồ sơ đề nghị đưa hệ thống thông tin vào Danh mục hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia được lập thành 01 bản chính, gửi về:

a) Cục An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Bộ Công an, trừ quy định tại điểm b và điểm c khoản này;

b) Bộ Tư lệnh Tác chiến không gian mạng thuộc Bộ Quốc phòng đối với các hệ thống thông tin quân sự.

c) Ban Cơ yếu Chính phủ đối với các hệ thống thông tin cơ yếu thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

7. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ tại khoản 6 Điều này có trách nhiệm phản hồi ý kiến bằng văn bản về hồ sơ đã tiếp nhận (Mẫu số 03 Phụ lục).

....

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

Ban Công nghệ (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media nghiên cứu, triển khai thực hiện.

3. Nghị định 55/2022/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 10/10/2022

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan thanh tra nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, trách nhiệm tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (sau đây gọi tắt là Cơ sở dữ liệu) là tập hợp thông tin về việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân và thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý kiến nghị, phản ánh của cơ quan có thẩm quyền được chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ, quản lý bằng cơ sở hạ tầng thông tin theo quy định của Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu được xây dựng, quản lý tập trung tại Thanh tra Chính phủ và được tổ chức cập nhật, khai thác tại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh

1. Cung cấp thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kiến nghị, phản ánh cho cơ quan có trách nhiệm cập nhật khi được yêu cầu và thực hiện cập nhật theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin do mình cung cấp.

2. Sử dụng thông tin, dữ liệu về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh do mình thu thập, cung cấp để phục vụ công tác quản lý.

...

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT-Media, VNPT- Vinaphone, VNPT tỉnh, thành phố nghiên cứu triển khai thực hiện.

4. Nghị định số 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16/9/2022

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

1. Sửa đổi khoản 4 Điều 4 như sau:

“4. “Trái phiếu có bảo đảm” là loại hình trái phiếu được bảo đảm thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; hoặc được bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính ở nước ngoài, tổ chức tài chính quốc tế theo quy định của pháp luật.”

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 5 như sau:

"2. Mục đích phát hành trái phiếu là để thực hiện các chương trình, dự án đầu tư, cơ cấu lại nợ của chính doanh nghiệp hoặc mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Doanh nghiệp phải nêu cụ thể mục đích phát hành tại phương án phát hành theo quy định tại Điều 13 Nghị định này và công bố thông tin cho nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu. Việc sử dụng vốn huy động từ phát hành trái phiếu

của doanh nghiệp phải đảm bảo đúng mục đích theo phương án phát hành và nội dung công bố thông tin cho nhà đầu tư.”

3. Bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 5 như sau:

“4. Đối với trái phiếu đã phát hành tại thị trường trong nước, doanh nghiệp chỉ được thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu quy định tại Điều 6 Nghị định này khi đáp ứng các quy định sau:

- a) Được cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp phát hành thông qua;
- b) Được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận;

5. Thông tin về việc thay đổi điều kiện, điều khoản của trái phiếu phải được doanh nghiệp phát hành công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.”

4. Sửa đổi điểm a khoản 4 Điều 6 như sau:

“a) Trái phiếu chào bán tại thị trường trong nước, mệnh giá là một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam hoặc bội số của một trăm triệu (100.000.000) đồng Việt Nam”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

1. Doanh nghiệp phát hành được mua lại trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu. Riêng đối với mua lại trước hạn trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế, khi thực hiện phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trái phiếu bị hủy bỏ sau khi được mua lại.

2. Tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu là cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận phương án mua lại trái phiếu trước hạn hoặc hoán đổi trái phiếu, ngoại trừ trường hợp bắt buộc mua lại trái phiếu trước hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Các trường hợp mua lại trái phiếu trước hạn bao gồm:

- a) Mua lại trước hạn theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp phát hành và người sở hữu trái phiếu.
- b) Bắt buộc mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư khi:

- Doanh nghiệp phát hành vi phạm pháp luật về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp theo quyết định của cấp có thẩm quyền mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

- Doanh nghiệp phát hành vi phạm phương án phát hành trái phiếu mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc biện pháp khắc phục không được số người sở hữu trái phiếu đại diện từ 65% tổng số trái phiếu cùng loại đang lưu hành trở lên chấp thuận.

- Các trường hợp khác được nêu cụ thể tại phương án phát hành trái phiếu quy định tại Điều 13 Nghị định này (nếu có).

4. Quy định tại điểm b khoản 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp trái phiếu bị thu hồi theo quyết định của cấp có thẩm quyền.”

....

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

Ban Kế toán – Tài chính (Tập đoàn), VNPT-Vinaphone, VNPT-Media xem để biết.

5. Thông tư 12/2022/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2022 và thay thế cho Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết và hướng dẫn bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ, bao gồm: Xác định hệ thống thông tin và thuyết minh cấp độ an toàn hệ thống thông tin; yêu cầu bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin; chế độ báo cáo.

Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ (sau đây gọi tắt là Nghị định 85/2016/NĐ-CP).

Chủ quản hệ thống thông tin

1. Đối với các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chủ quản hệ thống thông tin là một trong các trường hợp sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án xây dựng, thiết lập, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định chủ quản hệ thống thông tin theo quy định của khoản này, bảo đảm cơ quan, tổ chức được giao chủ quản hệ thống thông tin có đủ năng lực để thực thi đầy đủ các quy định tại Điều 20 Nghị định 85/2016/NĐ-CP.

2. Đối với doanh nghiệp và tổ chức khác (không phải Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), chủ quản hệ thống thông tin là cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng, thiết lập, nâng cấp, mở rộng hệ thống thông tin.

3. Trong trường hợp cần thiết, chủ quản hệ thống thông tin ủy quyền cho một tổ chức trực thuộc có đủ năng lực để thay mặt thực hiện trách nhiệm của chủ quản hệ thống thông tin quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 85/2016/NĐ-CP. Việc ủy quyền trách nhiệm chủ quản hệ thống thông tin phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ phạm vi của hệ thống, trách nhiệm của tổ chức được ủy quyền và thời hạn ủy quyền.

Đơn vị vận hành hệ thống thông tin

1. Đơn vị vận hành hệ thống thông tin là cơ quan, tổ chức được chủ quản hệ thống thông tin giao nhiệm vụ vận hành hệ thống thông tin.

2. Trong trường hợp hệ thống thông tin gồm nhiều hệ thống thành phần hoặc phân tán, có nhiều hơn một đơn vị vận hành hệ thống thông tin, chủ quản hệ thống thông tin có trách nhiệm chỉ định một đơn vị chủ trì thực hiện quyền và nghĩa vụ của đơn vị vận hành hệ thống thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Trong trường hợp thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đơn vị vận hành hệ thống thông tin được xác định như sau:

- a) Trường hợp chưa xác định được đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật, đơn vị chủ trì thuê dịch vụ đóng vai trò là đơn vị vận hành;
- b) Trường hợp đã xác định được đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật thì đơn vị vận hành là đơn vị cung cấp dịch vụ;
- c) Trường hợp hết thời hạn cung cấp dịch vụ, nếu hệ thống thông tin được thiết lập qua hình thức thuê dịch vụ vẫn tiếp tục duy trì hoạt động, đơn vị vận hành được xác định là đơn vị chủ trì thuê dịch vụ.

Thẩm định Hồ sơ đề xuất cấp độ trong trường hợp đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin đồng thời được chủ quản hệ thống thông tin giao quản lý, vận hành hệ thống thông tin

Trường hợp đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin, đồng thời được chủ quản hệ thống thông tin giao quản lý, vận hành hệ thống thông tin, việc tổ chức thẩm định Hồ sơ đề xuất cấp độ được thực hiện theo một trong các phương án sau đây:

1. Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin trình chủ quản hệ thống thông tin giao một đơn vị trực thuộc có đủ năng lực chủ trì, tổ chức thẩm định.
2. Đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin trình chủ quản hệ thống thông tin thành lập Hội đồng thẩm định độc lập thực hiện nhiệm vụ thẩm định Hồ sơ đề xuất cấp độ.

Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hệ thống thông tin đang vận hành, khai thác, đã được phê duyệt cấp độ từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực: Chủ quản hệ thống thông tin tiến hành rà soát Hồ sơ đề xuất cấp độ và Phương án đảm bảo an toàn thông tin đã được phê duyệt. Việc rà soát, điều chỉnh, phê duyệt lại Hồ sơ đề xuất cấp độ và Phương án bảo đảm an toàn thông tin (nếu cần) phải hoàn thành trước tháng 6 năm 2023.

2. Đối với các hệ thống thông tin đang vận hành, khai thác nhưng chưa được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ: Thực hiện xây dựng, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo phương án được phê duyệt trong Hồ sơ đề xuất cấp độ đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và đồng

bộ với quy định tại Thông tư này, bảo đảm khi Thông tư này có hiệu lực, không phải thực hiện lại quy trình xây dựng, thẩm định, phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ.

...

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

Ban Công nghệ (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Net nghiên cứu triển khai thực hiện.

Lưu ý:

Bản tin tóm tắt nội dung văn bản chỉ mang tính tổng hợp, để hiểu đầy đủ và chính xác quy định pháp luật, cần tìm đọc nội dung chi tiết toàn văn văn bản.

Phần 2: Các dự thảo VBPL của các Bộ đang lấy ý kiến góp ý:

STT	Tên Dự thảo	Ngày lấy ý kiến	Trách nhiệm nghiên cứu, xem xét, có ý kiến
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			
1	Dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông	Ngày bắt đầu 08/9/2022 Ngày hết hạn 07/11/2022	Ban Kiểm tra – pháp chế - thanh tra, Ban Công nghệ, Ban Chất lượng, Ban Kế toán – Tài chính (Tập đoàn), VNPT-IT, VNPT-Media, VNPT-Vinaphone.
BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI			
1	Đề cương chi tiết Luật Việc làm (sửa đổi)	Ngày bắt đầu 20/9/2022 Ngày hết hạn 20/11/2022	Ban Tổ chức – Nhân lực (Tập đoàn)
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí duy trì sử dụng tên miền và địa chỉ Internet, lệ phí đăng ký sử dụng tên miền quốc “.vn” và lệ phí đăng	Ngày đăng 22/8/2022 Ngày kết thúc	Ban Công nghệ, Ban Kế toán – Tài chính (Tập đoàn)

	ký sử dụng địa chỉ Internet (IP) lệ phí tên miền quốc gia “.vn” và địa chỉ Internet (IP) của Việt Nam	22/10/2022	
2	Dự thảo Thông tư hướng dẫn về định mức sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước và quy chế quản lý tài chính đối với hoạt động xúc tiến đầu tư	Ngày bắt đầu 31/8/2022 Ngày kết thúc 31/10/2022	Ban Kế hoạch Đầu tư (Tập đoàn)
3	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ	Ngày bắt đầu 13/9/2022 Ngày kết thúc 13/11/2022	Ban Kế hoạch – Đầu tư, Ban Kế toán – Tài chính, Ban Kiểm tra – Pháp chế - Thanh tra (Tập đoàn)
4	Dự thảo Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô	Ngày bắt đầu 16/9/2022 Ngày kết thúc 16/11/2022	Ban Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn)

Nếu đơn vị/cá nhân có ý kiến góp ý cho các Dự thảo đang được lấy ý kiến, xin truy cập trang thông tin điện tử của các Bộ để xem thông tin chi tiết và tham gia ý kiến; hoặc gửi ý kiến về Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (hoabq@vnpt.vn) để tổng hợp.

Phần 3: Các quy định của Tập đoàn ban hành trong tháng 9/2022.

1. Quy chế về hoạt động kiểm soát nội bộ của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 67/QĐ-VNPT-HĐTV-KSNB ngày 19/9/2022 (số eoffice: 501307);
2. Quy chế quản trị rủi ro doanh nghiệp của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 68/QĐ-VNPT-HĐTV-CLG ngày 21/9/2022 (số eoffice: 506073);

Các đơn vị/cá nhân trong phạm vi chuyên môn nghiệp vụ của mình, có trách nhiệm nghiên cứu và chấp hành quy định trên của Tập đoàn (khai thác văn bản từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Tập đoàn).